TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-03-2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thu Hiền
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Trung Nam
2. Bà Ngô Thị Chiến

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 12– Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hồng N – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 473/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXX – HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2026/QĐST – HNGĐ ngày 09/02/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Thanh D, sinh ngày 02/10/1987 (có đơn xin vắng mặt).

CCCD số: 079087031290 do Bộ C cấp ngày 12/11/2024.
Nơi thường trú: Tổ E, khu phố Ô, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Lương Thị Hồng H, sinh ngày 28/10/1984 (vắng mặt).

CCCD số 070184003001 do Bộ C cấp ngày 12/11/2024.
Nơi thường trú: Tổ E, khu phố Ô, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Phạm Thanh D trình bày:

Ông và bà Lương Thị Hồng H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/7/2014.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng không

tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vã. Ông và bà H đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau.

Nay ông nhận thấy không còn tình cảm với bà H nên yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

- Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Phạm Lương Huy K, sinh ngày 22/3/2015 và Phạm Lương Phước H1, sinh ngày 07/4/2019. Ông D có nguyện vọng giao các con chung cho bà Lương Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông D cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Lương Thị Hồng H:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn bà Lương Thị Hồng H theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tuy nhiên bà H không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh D đối với bà Lương Thị Hồng H cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh D được ly hôn với bà Lương Thị Hồng H.

Về con chung: Giao cháu Phạm Lương Huy K, sinh ngày 22/3/2015 và Phạm Lương Phước H1, sinh ngày 07/4/2019 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông D cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Phạm Thanh D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, quan hệ pháp luật vụ án là: Ly hôn, tranh chấp nuôi con; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn ông Phạm Thanh D có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D.

Bị đơn bà Lương Thị Hồng H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp đã có đủ cơ sở xác định: Ông Phạm Thanh D và bà Lương Thị Hồng H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 10/7/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp.

Xét về quan hệ hôn nhân của ông D, bà H: Ông D xác định vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên thường xuyên cãi vã. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, bà H đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải để giải quyết mâu thuẫn gia đình nhưng bà H vắng mặt và không có động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông D. Quá trình tố tụng ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông D, bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Do đó, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông D đối với bà H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông D và bà H có 02 con chung là Phạm Lương Huy K, sinh ngày 22/3/2015 và Phạm Lương Phước H1, sinh ngày 07/4/2019. Ông D có nguyện vọng giao các con chung cho bà Lương Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông D cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Xét nguyện vọng giao con cho bà H nuôi của ông D thấy: Ông D xác định hiện nay bà H đang trực tiếp nuôi 02 con chung, quá trình tố tụng Tòa án đã phát hành thông báo yêu cầu bà H dẫn cháu K đến Tòa án để xác định nguyện vọng của cháu K muốn sống với ai khi ông D, bà H ly hôn nhưng bà H không thực hiện. Do đó Tòa án không có căn cứ để xem xét nguyện vọng của cháu K.

Ông D xác định từ khi ông và bà H sống ly thân đến nay bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Do đó, để các cháu K và H1 có được sự chăm sóc tốt, ổn định về nơi ở, nơi học tập, sinh hoạt hàng ngày và để phát triển bình thường về thể chất và tinh thần thì cần thiết giao cháu K và H1 cho bà H trực tiếp nuôi

dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu giao con của ông D.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình tố tụng, bà H từ chối tham gia tố tụng, không gửi văn bản ý kiến về mức cấp dưỡng nuôi con ông D đưa ra là 1.000.000 đồng/tháng/con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng ông D đưa ra là sự tự nguyện của ông D, bà H không phản đối nên cần ghi nhận sự tự nguyện của ông D, ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung số tiền 1.000.000 đồng/tháng/con bắt đầu từ tháng 3/2026 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông Phạm Thanh D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh D đối với bà Lương Thị Hồng H về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Thanh D được ly hôn với bà Lương Thị Hồng H.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Phạm Lương Huy K, sinh ngày 22/3/2015 và Phạm Lương Phước H1, sinh ngày 07/4/2019 cho bà Lương Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Phạm Thanh D cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Lương Huy K số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng bắt đầu từ tháng 03/2026 cho đến khi cháu K trưởng thành (đủ 18 tuổi), cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Lương Phước H1 số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng bắt đầu từ tháng 03/2026 cho đến khi cháu H1 trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Phạm Thanh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thi hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm lãi suất của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Phạm Thanh D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0047915 ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Phạm Thanh D phải tiếp tục nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV12-TP.HCM;
- Phòng THADS KV12-TP.HCM;
- UBND xã Thạnh An, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thu Hiền